

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 8 - 2025
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy T

Ông Vũ Hùng T

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nh - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 1 - P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa: Bà
Dương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - P xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025
về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐST-HNGĐ
ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989.

ĐKHKTT: Tổ 3, phố Châu Phong, phường B, thành phố V, tỉnh P. (Nay là
phường T, tỉnh P).

Địa chỉ liên hệ: Số nhà 2350B, đường Hùng Vương, phường N, thành phố V,
tỉnh P. (Nay là phường N, tỉnh P).

Người bảo vệ quyền và lợi, ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Vũ Thị H và bà
Đỗ Minh Ng - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Đức Hải thuộc Đoàn luật sư thành
phố Hà Nội. (Chị H, bà Hải, bà Ngọc có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trương Hoài N, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: Tổ 3, phố Châu Phong, phường B, thành phố V, tỉnh P. (Nay là
phường T, tỉnh P). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng TMCP N.

Địa chỉ trụ sở: quận H, thành phố H. (Nay là phường H, thành phố H).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Thúy V, sinh năm 1986; Chức
vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt
N, chi nhánh P; Địa chỉ: Số 1155A, đường Hùng Vương, phường T, tỉnh P. (Có
mặt).

2. Tổ chức tài chính T.

Địa chỉ: Số nhà 20, đường T, phường T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1980; Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật - Tổ chức tài chính T chi nhánh V, P (TYM). Địa chỉ: Phố Tân Việt, phường V, tỉnh P. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 17/6/2025, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Hoài N có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh P. Vợ chồng chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, sau dần vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hòa giải dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, chị đã nhiều lần bị anh N đánh đập, bạo hành. Chị và anh N đã sống ly thân với nhau từ cuối tháng 3/2025, sau đó khoảng giữa tháng 4/2025 chị đã không còn ở cùng anh N và ra ngoài ở, chị có về nhà một lần nhưng anh N đuổi chị nên chị lại đi không sống cùng chồng con. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chị không liên lạc gì với anh N. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Hoài N.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Trương Tôn Bảo, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Trương Minh Châu, sinh ngày 27/11/2017. Hiện nay hai cháu đang sống cùng anh N và ông bà nội, chị đề nghị Tòa án giải quyết để các con được ở với anh N và ông bà nội. Chị có trách nhiệm chu cấp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Vợ chồng chị có khoản nợ chung tại Ngân hàng BIDV là 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) và khoản nợ tại Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, P (TYM) là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Vợ chồng chị đã trả được một phần gốc và lãi theo đúng cam kết không vi phạm nghĩa vụ. Với khoản nợ này không dùng vào mục đích chung của gia đình mà phục vụ việc mua đất cho em trai anh N. Anh N có trách nhiệm trả các khoản nợ trên.

Về công sức đóng góp: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 27/6/2025 bị đơn anh Trương Hoài N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc chị Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn anh. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 10/4/2008 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng đôi khi cãi vã, anh vẫn còn rất yêu thương vợ con, nhưng tính nết của anh nóng nảy do áp lực về kinh tế cuộc sống. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, anh nóng nảy có tát vợ hai lần và từ khoảng giữa tháng 4/2025 vợ anh đã bỏ đi, chị H có về nhà một lần nhưng anh có nóng tính mắng chửi chị H, sau đó chị H bỏ đi biệt lập cắt đứt liên lạc với gia đình, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Anh rất mong muốn vợ chồng thông cảm và bỏ qua cho nhau. Nay chị H xin ly hôn anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để làm ăn kinh tế, nuôi dạy các con.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Trương Tôn Bảo, sinh ngày 03/02/2009, cháu Trương Minh Châu, sinh ngày 27/11/2017. Nếu ly hôn đặt ra anh có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có khoản nợ chung tại ngân hàng BIDV là 1.500.000.000đ (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) vào năm 2024, anh đã trả được 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền gốc và lãi hàng tháng đã trả đầy đủ cho ngân hàng, số tiền nợ còn lại là 1.350.000.000đ (*Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng*), khoản vay này vợ chồng anh vay để mua đất cho em trai anh, nếu ly hôn đặt ra anh có trách nhiệm trả toàn bộ cả gốc và lãi không yêu cầu chị H phải trả. Đối với khoản nợ tại Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, P (TYM) là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) để đi lấy cát, anh đã trả được một phần gốc và lãi, khoản vay này nếu ly hôn anh có trách nhiệm trả cả gốc và lãi không yêu cầu chị H phải trả.

* Cháu Trương Tôn Bảo mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nhưng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu lựa chọn ở với mẹ. Cháu Trương Minh Châu có nguyện vọng muốn ở với bố.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N do chị Hoàng Thị Thúy Vân là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 28/6/2024 vợ chồng chị H, anh N vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N, chi nhánh P, số tiền là 1.500.000.000đ (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*), kỳ hạn 120 tháng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/23876362/HĐTD ngày 28/6/2024, ký kết giữa anh Trương Hoài N và chị Nguyễn Thị Thu H, tài sản thế chấp là 01 quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 01/2024/23876362/HĐTD ký kết giữa ông Trương Hữu Việt, bà Nguyễn Thị Tuyền và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N, chi nhánh P. Trong quá trình vay vốn, anh Trương Hoài N và chị Nguyễn Thị Thu H đã trả ngân hàng số tiền là: 271.177.397đ (*Hai trăm bảy mươi một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng*), trong đó số tiền gốc là 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), số tiền lãi là: 121.177.397đ (*Một trăm hai mươi một triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi bảy đồng*). Tính đến ngày 23/7/2025, tổng dư nợ gốc và lãi của khách hàng là: 1.358.802.740đ (*Một tỷ, ba trăm năm mươi tám triệu, tám trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng*), trong đó dư nợ gốc là: 1.350.000.000đ (*Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng*), dư nợ lãi là: 8.802.740đ (*Tám triệu, tám trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng*). Trong quá trình vay vốn vợ chồng anh Trương Hoài N và chị Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện đúng nghĩa vụ với ngân hàng, không vi phạm các cam kết trong hợp đồng bảo đảm tiền vay. Nay chị Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn anh Trương Hoài N và có đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ chung của hai vợ chồng, Ngân hàng BIDV có ý kiến: Ngân hàng ưu tiên và tôn trọng sự thỏa thuận của chị H và anh N về nghĩa vụ trả khoản nợ của ngân hàng. Trường hợp anh chị không thỏa thuận được, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh N và chị H phải có nghĩa vụ trả khoản nợ chung của ngân hàng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tổ chức tài chính T (TYM) do chị*

chị Đỗ Thị Thu Hằng là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 06/12/2024 chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trương Hoài N có làm hợp đồng vay vốn tại Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, P theo Hợp đồng số VT001880-2024, số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*), thời hạn trả trong vòng 12 tháng, hình thức trả 4 tuần/lần có xác nhận của tổ trưởng tổ vay vốn là bà Trần Thị Vụ. Đến ngày 21/7/2025 còn dư nợ gốc là 19.235.000đ (*Mười chín triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng*), tiền lãi 1.700.000đ (*Một triệu, bảy trăm nghìn đồng*). Hiện tại gia đình chị H, anh N vẫn đang hoàn trả đúng hạn khoản tiền vay. Nay nhận được thông tin từ Tòa án nhân dân khu vực 1- P về giải quyết ly hôn của anh N, chị H thì Tổ chức tài chính T đề nghị hai vợ chồng thống nhất hòa giải để trả hết khoản còn nợ, nếu không thống nhất được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Ngày 05/8/2025, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N, còn anh Trương Hoài N mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, vì vậy phiên hòa giải không thành nhưng giữa chị H và anh N có quan điểm thống nhất được những nội dung sau:

Thứ nhất: Về con chung: Chị H và anh N đều xác định anh chị có hai con chung là cháu Trương Tôn Bảo, sinh ngày 03/02/2009 và cháu Trương Minh Châu, sinh ngày 27/11/2017. Quan điểm cháu Trương Tôn Bảo có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu Trương Minh Châu có nguyện vọng được ở với bố. Chị H, anh N nhất trí nếu ly hôn đặt ra thì chị H sẽ trực tiếp nuôi cháu Bảo, anh N trực tiếp nuôi cháu Châu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Thứ hai: Về tài sản chung và công sức đóng góp: Chị H và anh N đều xác định anh chị không có tài sản chung và công sức đóng góp nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Thứ ba: Về nợ chung: Anh Trương Hoài N có nguyện vọng nếu ly hôn đặt ra anh đồng ý trả toàn bộ hai khoản nợ chung của vợ chồng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N, chi nhánh P và Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, P và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H phải trả hai khoản nợ chung này cùng anh. Chị H cũng nhất trí với quan điểm của anh N về việc anh N tự nguyện trả hai khoản nợ chung của vợ chồng và không yêu cầu chị phải trả cùng anh N. Đại diện Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N và đại diện Tổ chức tài chính T cũng nhất trí với quan điểm của anh N và chị H về khoản nợ chung cũng như nghĩa vụ của anh N với khoản nợ chung như trên.

* Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Thu H: Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, chị H và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, thời gian dài chị H và anh N không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị H đã nhiều lần bị anh N đánh đập, bạo hành, hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2025 đến nay. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh N. Về con chung: Chị H và anh N có hai con chung là cháu Trương Tôn Bảo và cháu Trương Minh Châu. Cháu Bảo có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu Châu có nguyện vọng được ở với

bố. Chị H và anh N thống nhất được với nhau về con chung như sau: Chị H có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bảo, anh N có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Châu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh N là giao cháu Bảo cho chị H và giao cháu Châu cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về nợ chung: Anh N và chị H có khoản nợ chung tại Ngân hàng BIDV và Tổ chức tài chính T chi nhánh V, P (TYM). Với khoản nợ Ngân hàng BIDV, anh N và chị H vay để mua đất cho em trai anh N, khoản nợ tại Tổ chức TYM vay để anh N lấy cát. Tại buổi hòa giải ngày 05/8/2025, anh N và chị H thống nhất là anh N tự nguyện trả toàn bộ hai khoản nợ chung của vợ chồng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N và Tổ chức tài chính vi mô TNHH Tình Thương. Chị H cũng nhất trí với quan điểm của anh N. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét công nhận thỏa thuận giải quyết về công nợ chung giữa anh N và chị H. Theo đó anh N có trách nhiệm trả toàn bộ hai khoản nợ chung của vợ chồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho chị H được ly hôn với anh Trương Hoài N.

- Về con chung: Xác nhận chị H và anh N có hai con chung là Trương Tôn Bảo, sinh ngày 03/02/2009 và Trương Minh Châu, sinh ngày 27/11/2017. Giao con chung là cháu Trương Tôn Bảo cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung là cháu Trương Minh Châu cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được. Chị H và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị H và anh N đều xác định anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phân chia nghĩa vụ khoản nợ chung: Anh Trương Hoài N tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/23876362/HĐTD ngày 28/6/2024 mà anh N và chị H đã ký kết tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N; anh N tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với khoản vay theo Hợp đồng số VT001880-2024 ngày 06/12/2024 mà anh N và chị H ký kết với Tổ chức tài chính T. Chị H không phải thực hiện nghĩa vụ đối với hai hợp đồng tín dụng này.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn anh Trương Hoài N. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 3, phố Châu Phong, phường B, thành phố V, tỉnh P (nay là phường T, tỉnh P). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - P là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H cùng với luật sư bảo vệ quyền là lợi ích hợp pháp cho chị H và bị đơn anh Trương Hoài N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trương Hoài N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, cả hai anh chị đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Theo như chị H trình bày vợ chồng có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, chị đã nhiều lần bị anh N đánh đập, bạo hành dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị và anh N đã sống ly thân từ cuối tháng 3/2025 cho đến giữa tháng 4/2025 chị đã không còn ở cùng anh N và đã ra ngoài ở, chị có về nhà một lần nhưng anh N đã đuổi chị đi nên chị đã bỏ đi và không sống cùng chồng con, hai vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, chị cũng không liên lạc gì với anh N. Về phía anh N, anh mong muốn chị H thông cảm và bỏ qua cho anh để về đoàn tụ và tiếp tục chung sống với nhau, anh N cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có cãi vã và có xảy ra mâu thuẫn, do tính nết của anh nóng nảy và có tát chị H hai lần, đến khoảng giữa tháng 4/2025 chị H đã bỏ đi, sau đó chị H có về nhà một lần nhưng anh nóng tính và có mắng chửi chị, sau đó chị H bỏ đi biệt lập cắt đứt liên lạc với gia đình, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh N rất mong muốn vợ chồng đoàn tụ và tại phiên hòa giải ngày 05/8/2025 Tòa án đã phân tích, động viên chị H tha thứ cho anh N và tạo cơ hội cho anh N sửa chữa những lỗi lầm để vợ chồng đoàn tụ với nhau cùng nuôi dạy các con khôn lớn trưởng thành, tuy nhiên chị H vẫn giữ nguyên quan điểm và cương quyết xin được ly hôn với anh N. Từ những mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy chị H, anh N đã sống ly thân nhiều tháng nay, chị H bỏ đi biệt lập và cắt đứt mọi liên lạc với anh N và gia đình. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã rất trầm trọng, không có cơ hội để đoàn tụ do vậy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh N là có căn cứ, cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh N đều xác định anh chị có hai con chung là cháu Trương Tôn Bảo, sinh ngày 03/02/2009, cháu Trương Minh Châu, sinh ngày 27/11/2017. Quan điểm cháu Trương Tôn Bảo có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu Trương Minh Châu có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên hòa giải ngày

05/8/2025, chị H, anh N nhất trí nếu ly hôn đặt ra thì chị H sẽ trực tiếp nuôi cháu Bảo, anh N trực tiếp nuôi cháu Châu và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét thấy quan điểm của chị H và anh N trên tinh thần tôn trọng nguyện vọng của hai con là cháu Bảo và cháu Châu hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và công sức đóng góp: Chị H và anh N đều xác định anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H và anh N đều thừa nhận anh chị có hai khoản nợ chung tại Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, P theo hợp đồng số VT001880-2024 ngày 16/12/2024, số tiền vay là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N, chi nhánh P theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/23876362/HĐTD ngày 28/6/2024, số tiền vay là 1.500.000.000đ (*một tỷ, năm trăm triệu đồng*). Hiện nay khoản vay của Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, P còn dư nợ gốc là 19.235.000đ (*Mười chín triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) và lãi phát sinh và khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N - Chi nhánh P còn dư nợ gốc là 1.350.000.000đ (*Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng*) và lãi phát sinh. Cả hai khoản vay này anh chị đều trả gốc và lãi theo đúng cam kết và không vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N và Tổ chức tài chính T đều thừa nhận trong quá trình vay vốn anh Trương Hoài N và chị Nguyễn Thị Thu H đã thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng tín dụng và không vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại Biên bản hòa giải ngày 05/8/2025 anh Trương Hoài N có nguyện vọng nếu ly hôn đặt ra anh đồng ý trả toàn bộ hai khoản nợ chung của vợ chồng và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu H phải trả nợ chung cùng anh, chị H cũng nhất trí với quan điểm của anh N. Đại diện ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N và đại diện tổ chức tài chính T cũng nhất trí với quan điểm của anh N và chị H về khoản nợ chung của anh chị đồng thời nhất trí với cam kết và nguyện vọng của anh N tự trả khoản nợ chung của vợ chồng mà không yêu cầu chị H phải trả. Hội đồng xét xử xét thấy anh N có nguyện vọng trả toàn bộ khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội, tại phiên hòa giải chị H cũng đồng ý với quan điểm này của anh N, đại diện tổ chức Tổ chức tài chính T và đại diện Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt N cũng nhất trí với sự tự nguyện trả nợ này của anh N nên cần ghi nhận.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H về việc “Ly hôn”. Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Trương Hoài N.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trương Hoài N có hai con chung là Trương Tôn Bảo, sinh ngày 03/02/2009 và Trương Minh Châu, sinh ngày 27/11/2017. Ly hôn, giao con chung là Trương Tôn Bảo cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung là Trương Minh Châu cho anh Trương Hoài N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung thành niên lao động tự túc được. Chị H và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trương Hoài N đều xác định anh chị không có tài sản chung và công sức đóng góp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trương Hoài N có hai khoản nợ chung tại Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, tỉnh P (TYM) theo Hợp đồng số VT001880-2024 ngày 16/12/2024 và tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N, chi nhánh P theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/23876362/HĐTD ngày 28/6/2024.

Ghi nhận anh Trương Hoài N tự nguyện có nghĩa vụ tiếp tục trả toàn bộ hai khoản nợ chung theo Hợp đồng số VT001880-2024 ngày 16/12/2024 tại Tổ chức tài chính T, chi nhánh V, P và Hợp đồng tín dụng số 01/2024/23876362/HĐTD ngày 28/6/2024 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt N, chi nhánh P. Chị Nguyễn Thị Thu H không phải trả hai khoản nợ chung này cùng anh Trương Hoài N.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H (do chị Nguyễn Thị Hải Oanh) đã nộp 29.250.000đ (*Hai mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số: 0003691 ngày 11/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - P). Chị H được trả lại số tiền 28.950.000đ (*Hai mươi tám triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - P;
- THADS tỉnh P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND P. T, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Đào Thị H

